|  |  |
| --- | --- |
| SỞ  SỎ SỞ Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  **TTYT HUYỆN PHÚ VANG**    Số: 334/ KH-TTYT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Phú Vang, ngày 01 tháng 02 năm 2021* |

# **KẾ HOẠCH**

# **Hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ y khoa**

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:**

Thực hiện Thông tư 21/2020/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Y tế về hướng dẫn thực hành để cấp CCHN khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sĩ y khoa.

Thực hiện Công văn số 400/SYT-NVY về việc tiếp nhận, hướng dẫn học thực hành cấp CCHN tại đơn vị

**II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

**1. Mục tiêu:**

**-** Đảm bảo bác sĩ y khoa học thực hành đủ các chuyên khoa: Nội, Ngoại, Sản, Nhi, chuyên khoa lẻ

- Trong thời gian học thực hành 18 tháng phải được tập huấn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng 20 buổi ( mỗi buổi 4 tiết)

**2. Yêu cầu:**

- Người thực hành (bác sĩ y khoa) được khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành. Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và đảm bảo đủ thời gian thực hành 18 tháng.

**III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:**

**2.1. Thời gian học thực hành tại các khoa:** 18 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Nội trong đó có HSCC: 5 tháng, tại 1 trong 3 khoa: Nội Th, Khám bệnh hoặc HSCC

- Thời gian thực hành chuyên khoa Ngoại: 3 tháng, tại khoa Ngoại TH

- Thời gian thực hành chuyên khoa Sản: 3 tháng, tại khoa CSSKSS

- Thời gian thực hành chuyên khoa Nhi: 4 tháng, tại khoa Nhi

- Thời gian thực hành chuyên khoa lẻ: 3 tháng, tại khoa LCK

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người thực hành được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết). Thời gian tập huấn này được tính được tính vào tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 18 tháng.

**2.2. Bác sĩ tham gia hướng dẫn thực hành cho bác sĩ y khoa:** danh sách đính kèm

**2.3. Số lượng bác sĩ y khoa đơn vị tiếp nhận trong năm 2021:** 20 người , trong đó:

**-** Quý I: 5 bác sĩ

- Quý II: 5 bác sĩ

- Quý III: 5 bác sĩ

- Quý IV: 5 bác sĩ

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. **Phòng Điều dưỡng:**

- Hằng năm xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ y khoa

- Đầu mối tổng hợp danh sách, tiếp nhận và thụ lý hồ sơ báo cáo Sở Y tế

- Theo dõi, chấm công người học thực hành tại các khoa

- Tham mưu Giám đốc cấp giấy xác nhận thực hành sau khi bác sĩ y khoa kết thúc thời gian học thực hành.

1. **Phòng TTCB:**

- Giới thiệu bác sĩ học thực hành với khoa phòng và người hướng dẫn thực hành theo quyết định.

- Xây dựng kề hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết).

- Cấp giấy chứng nhận đã tham gia tập huấn cho bác sĩ y khoa sau khi kết thúc thời gian học thực hành (thể hiện nội dung tập huấn, thời gian tập huấn)

1. **Phòng KHNV:**

- Phối hợp phòng TTCB tập huấn các nội dung liên quan đến quy chế chuyên môn.

- Phối hợp phòng Điều dưỡng để lập danh sách bác sĩ tham gia hướng dẫn thực hành

- Đưa nội dung kế hoạch lên trang Wedside của bệnh viện

1. **Người hướng dẫn thực hành:**

- Hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ y khoa khi được phân công

- Chịu trách nhiệm chuyên môn trong thời gian hướng dẫn thực hành cho bác sĩ y khoa đang học thực hành

- Nhận xét quá trình thực hành của người thực hành theo từng nội dung quy định (mẫu đính kèm) ngay sau khi người thực hành hoàn thành từng nội dung thực hành. Người hướng dẫn thực hành hướng dẫn chuyên khoa nào thì phải nhận xét theo chuyên khoa đó.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - SYT (báo cáo);  - Ban Giám đốc (đ/b)  - Khoa, phòng (thực hiện);  - Lưu Vt, P.Đ/dưỡng. | **GIÁM ĐỐC** |

**DANH SÁCH BÁC SĨ THAM GIA HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BÁC SĨ Y KHOA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ tên người hướng dẫn** | **Chứng chỉ hành nghề** | **Phạm vi hoạt động chuyên môn** | **Chuyên khoa hướng dẫn thực hành** |
| 1 | Phạm Hữu Tài | 000172/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi | Nội khoa |
| 2 | Tôn Thất Độ | 000023/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi, Gây mê hồi sức | Nội khoa |
| 3 | Lê Thanh Hà | 0002424/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại | Ngoại khoa |
| 4 | Lê Phước Phùng | 0001071/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại Sản | Ngoại khoa |
| 5 | Nguyễn Văn Tín | 000834/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại Sản, chuyên khoa Sản phụ khoa | Sản khoa |
| 6 | Phan Thị Thùy Phi | 000950/TTH-CCHN.  376/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại Sản, chuyên khoa Sản phụ khoa | Sản khoa |
| 7 | Đỗ Thị Kim Na | 000837/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi, chuyên khoa Nhi | Nhi khoa |
| 8 | Nguyễn Thị Thu Hương | 0002438/TTH-CCHN.  150/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nhi | Nhi khoa |
| 9 | Nguyễn Văn Trung | 0001143/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Tai mũi họng | Tai mũi họng |
| 10 | Trần văn Lịch | 003090/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt | Răng hàm mặt |

|  |  |
| --- | --- |
| Ở  SỎ SỞ Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  **TTYT HUYỆN PHÚ VANG**    Số: / PXNTH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Phú Vang, ngày tháng 02 năm 2021* |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**1. Người hướng dẫn thực hành:**

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ hành nghề KBCB:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn:

- Khoa, đơn vị làm việc:

**2. Người thực hành:**

- Họ và tên:                                                                   Ngày tháng năm sinh:

- Số CMND/ Thẻ căn cước:

- Thời gian thực hành: *(Từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)*

- Chuyên khoa đăng ký thực hành *(ghi theo các chuyên khoa thực hành)*

- Địa điểm thực hành *(ghi tên khoa thực hành)*:

**3. Kết quả thực hành:**

- Năng lực thực hành chuyên khoa:

- Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI HƯỚNG DẪN** *(Ký ghi rõ họ, tên)* |